

ĐẶC ĐIỂM VỀ TỪ LOẠI VÀ CẤU TẠO CỦA THUẬT NGỮ DU LỊCH TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

TS LÊ THANH HÀ

Abstract: Tourism terms in English and Vietnamese are very much similar in terms of frequencies in parts of speech. Most of them are nouns/ noun phrases, the numbers of verbs/ verb phrases as well as adjectives/ adjective phrases are very small. This is completely appropriate given the features of parts of speech in the two languages. Besides, there are certain similarities and differences in term of structures between English and Vietnamese tourism terms. English tourism terms consist of single terms, derivative terms, compound terms, acronyms and collocation terms. Vietnamese tourism terms also consist of single terms, compound terms and collocation terms but there are no acronyms. These are regulated by the features of Vietnamese and English language forms.

Keywords: *Features of parts of speech and structures, tourism terms.*

1. Các thuật ngữ trong lĩnh vực du lịch được chúng tôi hiểu là "những từ hoặc cụm từ cố định gọi tên chính xác các khái niệm và đối tượng thuộc lĩnh vực du lịch". Toàn bộ tổng thể các thuật ngữ được sử dụng trong chuyên ngành du lịch lập thành *hệ thuật ngữ du lịch*.

Để nghiên cứu đặc điểm từ loại và cấu tạo của hệ thuật ngữ du lịch, chúng tôi đi theo Nguyễn Đức Tôn, vận dụng cách tiếp cận tĩnh, nghĩa là coi như thuật ngữ đã có sẵn, tiến hành phân tích, mổ xẻ để nhận biết mỗi thuật ngữ có thành phần cấu tạo như thế nào, đặc điểm từ loại, nguồn gốc của các thành phần cấu tạo nên thuật ngữ và quan hệ giữa các thành phần cấu tạo ấy, các phương thức tạo từ được sử dụng để cấu tạo thuật ngữ.

Chúng tôi cũng tiếp thu quan điểm của Nguyễn Đức Tôn, gọi đơn vị cơ sở để cấu tạo thuật ngữ tiếng Việt là *thuật tố*. Đây là thành tố cấu tạo trực tiếp cuối cùng của một thuật ngữ. Mỗi *thuật tố* biểu hiện một khái niệm/ đối tượng hoàn chỉnh hoặc có thể biểu hiện khái niệm bộ phận hay đặc trưng của khái niệm/ đối tượng được thuật ngữ định danh trong một lĩnh vực khoa học hay chuyên môn. Do đó mỗi *thuật tố* đều phải có nghĩa. Đơn vị được coi là *thuật tố* khi nó có nghĩa từ vựng và tham gia vào cấu tạo các thuật ngữ khác nhau trong một lĩnh vực khoa học hay một lĩnh vực chuyên môn. Thí dụ: *khách sạn, bình dân, cao cấp, sang trọng, phòng, đơn, đôi, khách, xa, gần, quen, quý, v.v...* là những *thuật tố* vì chúng tham gia

cấu tạo các thuật ngữ khác nhau như: *khách sạn/ bình dân, khách sạn/ cao cấp, khách sạn/ sang trọng, phòng/ đôi, phòng/ đơn, khách/ xa, khách/ gần, v.v...* Về mặt hình thức cấu tạo, có thể phân ra thành thuật ngữ có hình thức cấu tạo là từ (gồm từ đơn hoặc từ ghép) và thuật ngữ có hình thức cấu tạo là ngữ định danh - tức là cụm từ được từ vựng hoá. Do vậy về nguyên tắc lí thuyết, *thuật tố* có thể có hình thức cấu tạo là hình vị nếu thuật ngữ là từ, hoặc có thể có hình thức cấu tạo là từ nếu thuật ngữ có cấu tạo là cụm từ hay ngữ định danh. Song để cho tiện việc thống kê và cũng không ảnh hưởng gì đến ý nghĩa của sự phân tích, đối với các thuật ngữ là từ, dù là từ đơn hay từ ghép, chúng tôi không phân tích tiếp thành phần cấu tạo của chúng ra các thành tố nhỏ hơn nữa - tức hình vị, mà chỉ coi chúng có cấu tạo là một *thuật tố* [4, 100].

Để có cơ sở khoa học cho việc phân tích, đối chiếu hệ thuật ngữ du lịch trong hai ngôn ngữ, chúng tôi đã tiến hành thu thập các thuật ngữ du lịch trong tiếng Việt và tiếng Anh dựa trên các cuốn từ điển thuật ngữ về du lịch bằng tiếng Việt và tiếng Anh sau đây:

1) S. Medlik, *Dictionary of travel, tourism & hospitaliti*, 3rd edition, Butterworth-Heinemann Publishing House, 2003.

2) *Từ điển lễ tân, du hành và du lịch (Anh- Việt đối chiếu và giải thích)*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 1994.

3) Nguyễn Xuân Khánh, Nguyễn Đắc Hùng, Phạm Hữu Khánh và một số tác giả khác, *Từ điển Du lịch Anh*

Việt (Ngành Quản trị Khách sạn, Du lịch và cung cấp Thực phẩm, Dịch vụ), Nxb Trẻ, 2002.

4) *Từ điển du lịch Anh - Việt* do Nxb Trẻ phát hành năm 2002.

5) Khoa Du lịch & Khách sạn, ĐH Kinh tế Quốc dân, *Giải thích thuật ngữ du lịch và khách sạn*, H., 2001.

Ngoài ra, chúng tôi thu thập từ các nguồn bổ sung là một số giáo trình, sách báo, tạp chí về du lịch bằng tiếng Việt và tiếng Anh sau đây:

1) Pirojnik, *Cơ sở địa lí du lịch và dịch vụ tham quan*, Nxb ĐHTH, Minsk, Tài liệu dịch của trường ĐH Tổng hợp Hà Nội, 1985.

2) Trần Nhuận, *Du lịch và kinh doanh du lịch*, Nxb Văn hóa, H., 1995.

3) Trần Đức Thanh, *Nhập môn khoa học du lịch*, Nxb ĐHQG HN, 2008.

4) Nguyễn Cao Thường và Tô Đăng Hải, *Thống kê du lịch*, Nxb ĐH & GDCN, H., 1990.

5) *Tập bài giảng lớp bồi dưỡng giám đốc khách sạn*, Viện Nghiên cứu phát triển du lịch, H., 1990.

6) Robert W. McIntosh, Charles R. Goeldner, J.R Brent Ritchie, *Tourism, Principles, Practices, Philosophie..* Seventh Editiob, John Wiley, New York, 1995.

7) J.L. Michaud, *Le tourisme face à l'environnement*, Press Universities de France, Paris, 1983.

2. Sau khi thu thập các thuật ngữ du lịch, chúng tôi đã tiến hành phân tích thuật tố, phân loại thuật ngữ theo thành tố cấu tạo và thu được số liệu cụ thể như sau:

Bảng phân loại thuật ngữ du lịch tiếng Việt và tiếng Anh theo số lượng thuật tố

Số thuật tố trong thuật ngữ	Tiếng Việt		Tiếng Anh	
	Số thuật ngữ	Ti lệ %	Số thuật ngữ	Ti lệ %
1 thuật tố	194	12,93	571	38,07
2 thuật tố	512	34,13	675	45
3 thuật tố	596	39,73	136	9,06
4 thuật tố	143	9,54	15	1,00
5 thuật tố	55	3,67	0	0
Viết tắt	0	0	103	6,87
Tổng	1500	100%	1500	100%

Chúng tôi đã thu thập được 1.500 thuật ngữ du lịch tiếng Việt và 1.500 thuật ngữ du lịch tiếng Anh tương đương. Trong đó, ở hệ thuật ngữ du lịch tiếng Việt, số lượng thuật ngữ là từ có 272 thuật ngữ, chiếm khoảng 18,13%, số lượng thuật ngữ là cụm từ cố định có 1.228 thuật ngữ, chiếm khoảng 81,87%. Ở hệ thuật ngữ du lịch tiếng Anh, số lượng thuật ngữ là từ chiếm khoảng 38,07%, số lượng thuật ngữ là cụm từ có 929 thuật ngữ, chiếm khoảng 61,93%.

Sau đây chúng tôi sẽ phân tích, đối chiếu đặc điểm về từ loại và cấu tạo của hệ thuật ngữ du lịch trong tiếng Việt và tiếng Anh.

2.1. Thuật ngữ du lịch có cấu tạo một thuật tố

2.1.1. Thuật ngữ du lịch tiếng Việt

Trong số 194 thuật ngữ du lịch tiếng Việt được cấu tạo chỉ gồm một thuật tố có 76/194 thuật ngữ là từ đơn, chiếm 39,17%. Trong 76 thuật ngữ là từ đơn, có 41 thuật ngữ là danh từ, chiếm 21,13%, thí dụ: *vé, xe, biển, giường, v.v...* 20 thuật ngữ là động

từ, chiếm 10,31%, thí dụ: *ăn, nghỉ, đặt, gọi, uống, v.v...* 15 thuật ngữ là tính từ, chiếm 7,73%, thí dụ: *đẹp, ngọt, ngon, chua, cay, mặn, v.v...*

Có 118/194 thuật ngữ du lịch là từ ghép, chiếm 60,83%. Trong đó có 35 thuật ngữ là từ ghép đẳng lập, chiếm 18,04%. Trong 35 từ ghép đẳng lập, có 10 từ ghép đẳng lập là danh từ, chiếm 5,15%, thí dụ: *lều trại, hang động, chùa chiền, v.v...*, 19 từ ghép đẳng lập là động từ, chiếm 9,79%, thí dụ: *ăn uống, nghỉ dưỡng, thu hút, trì hoãn, mua sắm, v.v...* 06 từ ghép đẳng lập là tính từ, chiếm 3,1%, thí dụ: *tươi đẹp, ngọt ngào, ấm áp, đầy đủ, v.v...*

Có 83 từ ghép chính phụ, chiếm 42,79%, thí dụ: *tổ trưởng, biên lai, bồi thường, lâu đài, lịch trình, hành lí, v.v...* Trong 83 từ ghép chính phụ có 52 từ ghép chính phụ là danh từ, chiếm 26,81%, thí dụ: *bãi biển, hậu sảnh, hậu trường, làng nghề, lâu đài, lịch trình, v.v...* 21 từ ghép chính phụ là động từ, chiếm 10,83%, thí dụ: *bảo tồn, đặt cọc, giải trí, khởi hành, v.v...*

10 từ ghép chính phụ là tính từ, chiếm 5,15%, thí dụ: *chín tới, hấp dẫn, ngon miệng, nhiệt tình, thân thiện, v.v...*

2.1.2. Thuật ngữ du lịch tiếng Anh

Trong số 571 thuật ngữ du lịch tiếng Anh có cấu tạo một thuật tố, có 307 thuật ngữ là từ đơn, chiếm 53,76%, có 159 thuật ngữ là từ phái sinh, chiếm 27,85% và có 105 thuật ngữ là từ ghép, chiếm 18,39%. Sau đây chúng tôi sẽ phân tích cụ thể từng nhóm từ:

a) Thuật ngữ du lịch là từ đơn

Là thuật ngữ chỉ có một hình vị chính tố. Thuật ngữ là từ đơn có thể là danh từ, động từ hay tính từ. Trong số 307 thuật ngữ là từ đơn, có 231 thuật ngữ là danh từ, chiếm 40,45%. Thí dụ: *guest* - "khách", *tour* - "chuyến du lịch", *luggage* - "hành lý", *itinerary* - "hành trình", v.v... Có 42 thuật ngữ là động từ, chiếm 7,36%. Thí dụ: *reserve* - "đặt trước", *confirm* - "xác nhận", *serve* - phục vụ", v.v... Có 34 thuật ngữ là tính từ, chiếm 5,95%. Thí dụ: *local* - "địa phương", *luxury* - "sang trọng", *medium* - "chín tới", v.v...

b) Thuật ngữ du lịch là từ phái sinh

Từ phái sinh là từ được cấu tạo bằng phương thức kết hợp một căn tố (root) với phụ tố. Phụ tố có thể là tiền tố (prefix) hoặc hậu tố (suffix). Tùy thuộc vào nghĩa của căn tố và tiền tố hay hậu tố mà từ được tạo ra có nghĩa khác nhau. Trong tổng số 571 thuật ngữ du lịch tiếng Anh có cấu tạo từ một thuật tố, có 159 thuật ngữ du lịch tiếng Anh là từ phái sinh, chiếm 27,85%.

Trong đó có 53 thuật ngữ được cấu tạo bằng phương thức phái sinh

tiền tố, chiếm 9,28%. Thí dụ: *prepay* - "trả trước", *postpone* - "trì hoãn", *reconfirm* - "xác nhận lại", *undercook* - "nấu quá lửa", v.v... Có 106 thuật ngữ được cấu tạo bằng phương thức phái sinh hậu tố, chiếm 18,57%. Thí dụ: *traveler* - "khách du lịch", *destination* - "điểm đến", *tourist* - "du khách", v.v...

c) Thuật ngữ du lịch là từ ghép

Đây là phương thức phổ biến trong việc cấu tạo từ của bất kì ngôn ngữ nào trên thế giới. Đối với thuật ngữ du lịch, đây là phương thức cấu tạo thuật ngữ bằng cách ghép hai từ đã có sẵn. Qua khảo sát tư liệu, chúng tôi thu thập được 105 thuật ngữ là từ ghép trên tổng số 571 thuật ngữ du lịch có một thuật tố. Trong đó, có 67 thuật ngữ là danh từ ghép, chiếm 11,73%, thí dụ: *bell/man* - "nhân viên khuân vác ở khách sạn", *wait/ list* - "danh sách khách chờ", v.v... Có 20 thuật ngữ là động từ ghép, chiếm 3,51%, thí dụ: *over/book* - "đặt trước quá tài", *check/in* - "nhận phòng", *check/ out* - "trả phòng", v.v... và có 18 thuật ngữ là tính từ ghép, chiếm 3,15%, thí dụ: *hand/ made* - "thủ công", *short/ term* - "ngắn hạn", *well/known* - "nổi tiếng", v.v...

2.2. Thuật ngữ du lịch có cấu tạo hai thuật tố

2.2.1. Thuật ngữ du lịch tiếng Việt

Số thuật ngữ du lịch tiếng Việt có cấu tạo 2 thuật tố là 512/1.500, chiếm 34,13%. Thí dụ: *điểm/ du lịch, lượt/ khách, nhu cầu/ du lịch, v.v...*

Trong số 512 thuật ngữ này, có 78 thuật ngữ là từ ghép chính phụ, chiếm 15,23% và 434 thuật ngữ là cụm từ cố định có quan hệ chính phụ

(hay là *ngữ cố định*), chiếm 84,77%; không có thuật ngữ du lịch là từ ghép đẳng lập hay cụm từ đẳng lập.

Trong số 78 thuật ngữ là từ ghép chính phụ, có 53 từ ghép chính phụ là danh từ, chiếm 10,35%, thí dụ: *buồng/đôi, giường/đơn, khách/quyết*, v.v...; có 17 từ ghép chính phụ là động từ, chiếm 3,32%, thí dụ: *hủy/phòng, đặt/chỗ*, v.v...; có 08 từ ghép chính phụ là tính từ, chiếm 1,56%, thí dụ: *nội/tiếng, chín/kĩ, ngắn/hạn*, v.v...

Trong số 434 thuật ngữ là ngữ cố định, có 383 thuật ngữ là ngữ danh từ, chiếm 82,81%, thí dụ: *chương trình/du lịch, lãnh thổ/du lịch, tiềm năng/du lịch*, v.v...; có 51 thuật ngữ là ngữ động từ, chiếm 9,96%, thí dụ: *chăm sóc/khách hàng, xác nhận/đặt trước*, v.v...

2.2.2. Thuật ngữ du lịch tiếng Anh

Kết quả khảo sát cho thấy, trong tổng số 675 thuật ngữ du lịch tiếng Anh được cấu tạo gồm hai thuật tố, có 659 thuật ngữ là ngữ danh từ, chiếm 97,63%, thí dụ: *baggage/insurance* - "bảo hiểm hành lý", *domestic/tourism* - "du lịch nội địa", v.v... Trong số đó, có 405 thuật ngữ được cấu tạo bằng cách ghép danh từ - danh từ (60%), thí dụ: *art/museum* - "bảo tàng nghệ thuật", *bell/captain* - "đội trưởng khuân vác", v.v...; có 141 thuật ngữ được ghép bằng tính từ - danh từ (20,89%), thí dụ: *cold/kitchen* - "bếp nguội", *direct/flight* - "chuyến bay thẳng", *optional/tourism* - "du lịch lựa chọn", v.v...; có 30 thuật ngữ được ghép bởi phân từ quá khứ + danh từ (4,44%), thí dụ: *packed tour* - "chuyến du lịch trọn gói", *expected/arrival* - "khách đang tới", *discounted/fare* -

"phí chiết khấu", v.v...; có 38 thuật ngữ được ghép bởi phân từ hiện tại và danh từ (5,63%), thí dụ: *opening/hour* - "giờ mở cửa", *connecting/room* - "phòng thông nhau", *booking/procedure* - "quy trình đặt trước", v.v...; có 17 thuật ngữ được ghép bởi động từ và danh từ (1,04%), thí dụ: *return/ticket* - "vé khứ hồi", *continue/improvement* - "cải tạo không ngừng", *corporate rate* - "mức giá liên kết", v.v...; có 16 thuật ngữ được ghép bởi danh từ và phân từ hiện tại (2,37%), thí dụ: *block/booking* - "đặt phòng cho một nhóm người", *destination/marketing* - "tiếp thị điểm đến", *scuba-diving* - "môn thể thao lặn", v.v...; có 11 thuật ngữ được ghép bởi tính từ và phân từ hiện tại (1,63%), thí dụ: *deep/cleaning* - "làm sạch sâu", *general/cleaning* - "tổng vệ sinh", v.v...; có 3 thuật ngữ được ghép bởi động từ và tính từ (0,44%), thí dụ: *make/up* - "yêu cầu làm phòng", *sleep/out* - "(khách) thuê phòng nhưng ngủ ngoài"; có duy nhất 1 thuật ngữ được ghép bởi phân từ quá khứ và phân từ hiện tại (0,15%), đó là: *guaranteed/booking* - "đặt phòng có bảo đảm", v.v...

Trong tổng số 675 thuật ngữ du lịch tiếng Anh có hai thuật tố, có 16 thuật ngữ là ngữ tính từ, chiếm 2,37%. Trong đó, có 2 thuật ngữ được ghép bởi danh từ và tính từ (0,3%), thí dụ: *account/payable*: "có thể trả nợ", *account/receivable*: "có thể được nhận nợ". Có 2 thuật ngữ được ghép bởi phân từ quá khứ và tính từ (0,3%), đó là: *Occupied clean* - "(phòng đang có khách lưu trú) đã được làm vệ sinh", *Occupied dirty* - "(phòng đang có khách lưu trú) chưa được làm vệ sinh";

có 4 thuật ngữ được ghép bởi phó từ và phân từ quá khứ (0,6%), thí dụ: *well-sitted* - "ở vị trí tốt", *well-equipped* - "được trang bị tốt", v.v...; có 5 thuật ngữ được ghép bởi tính từ và tính từ (0,73%), thí dụ: *vacant/ dirti* - "(phòng) trống bẩn", *vacant/ clean* - "(phòng) trống sạch", v.v...; có 3 thuật ngữ được ghép bởi số từ và danh từ (0,44%), thí dụ: *one/ star* - "thuộc hạng một sao", *two-sink* - "(hệ thống) có hai chậu rửa", v.v...

2.3. Thuật ngữ du lịch có cấu tạo ba thuật tố

2.3.1. Thuật ngữ du lịch tiếng Việt

Số thuật ngữ du lịch tiếng Việt có cấu tạo ba thuật tố là 596/1.500 chiếm 39,13%. Thí dụ: *tổ chức/ kinh doanh/ du lịch, thị trường/ khách/ du lịch, v.v...*

Tất cả 596 thuật ngữ này đều là các ngữ cố định, chiếm 100%, trong đó:

- Số thuật ngữ có cấu tạo là ngữ danh từ gồm 518/596 thuật ngữ, chiếm 86,91%. Thí dụ: *tuyến/ du lịch/ địa phương, bộ phận/ kinh doanh/ trực tiếp, cá nhân/ kinh doanh/ lữ hành, v.v...*

- Số thuật ngữ có cấu tạo là ngữ động từ có 65/596, chiếm 10,9%. Thí dụ: *bảo vệ/ tài nguyên/ du lịch, tôn tạo/ tài nguyên/ du lịch, bảo hiểm/ hành lý/ du lịch, v.v...*

- Số thuật ngữ có cấu tạo là ngữ tính từ có 13/596, chiếm 2,19%. Thí dụ: *không/ chứa/ cồn, không/ theo/ tuyến, v.v...*

2.3.2. Thuật ngữ du lịch tiếng Anh

Kết quả khảo sát cho thấy, trong tổng số 136 thuật ngữ du lịch tiếng Anh được cấu tạo gồm 3 thuật tố, có 131 thuật ngữ là ngữ danh từ, chiếm 96,33%. Trong số ba thuật tố cấu tạo nên thuật ngữ thì thuật tố đứng sau cùng bao giờ cũng đóng vai trò trung tâm, mang ý nghĩa chính. Hai thuật tố đứng trước nó mang ý nghĩa bổ sung, làm rõ ý nghĩa và phân loại thuật ngữ. Thí dụ: *tour operating/ company* - "công ti điều hành du lịch", *family-stile/ restaurant* - "nhà hàng dành cho gia đình", *direct air/ carrier* - "hãng không vận trực tiếp", v.v... Có 5 thuật ngữ là ngữ tính từ, chiếm 3,67%. Thí dụ: *late/ check out* - "(phòng) trả trễ", *express/ check out* - "(phòng) trả nhanh". Có 1 thuật ngữ là ngữ động từ, thí dụ: *pay/ in advance* - "trả trước".

2.4. Thuật ngữ du lịch có cấu tạo bốn thuật tố

2.4.1. Thuật ngữ du lịch tiếng Việt

Số lượng thuật ngữ du lịch tiếng Việt có cấu tạo bốn thuật tố là 143/1.500, chiếm 9,54%, thí dụ: *bên/ giao/ đại lý/ lữ hành, bên/ nhận/ đại lý/ lữ hành, thị trường/ khách/ du lịch/ quốc tế, v.v...*

Tất cả 143 thuật ngữ này đều có cấu tạo là ngữ cố định, chiếm 100%. Trong đó, số thuật ngữ có cấu tạo là ngữ danh từ có 121 thuật ngữ, chiếm 84,62%. Thí dụ: *cơ sở/ đại lý/ bán lẻ/ du lịch, kết cấu/ hạ tầng/ đô thị/ du lịch, v.v...* Số thuật ngữ có cấu tạo là ngữ động từ gồm 22 thuật ngữ, chiếm 15,38%, thí dụ: *đăng kí/ kinh doanh/ lữ hành/ nội địa, quản lý/ phát triển/ đô thị/ du lịch, xây dựng/ kết cấu/ hạ tầng/ du lịch, v.v...*

2.4.2. Thuật ngữ du lịch tiếng Anh

Số lượng thuật ngữ du lịch tiếng Anh có cấu tạo bốn thuật tố rất ít, chỉ có 15/1.500 thuật ngữ, chiếm 1%. Tất cả đều là ngữ cố định. Thí dụ: *full-service travel agency* - "công ti du lịch có dịch vụ đầy đủ", *multi-unit corporate restaurant* - "chuỗi/ hệ thống nhà hàng", v.v...

2.5. Thuật ngữ du lịch có cấu tạo năm thuật tố

Kết quả khảo sát cho thấy, trong hệ thuật ngữ du lịch tiếng Anh không có thuật ngữ du lịch cấu tạo năm thuật tố. Vì vậy, chúng tôi chỉ phân tích thuật ngữ du lịch tiếng Việt.

Số lượng thuật ngữ du lịch tiếng Việt có cấu tạo năm thuật tố là 55/1.500, chiếm 3,67%. Thí dụ: *cá nhân/ kinh doanh/ phát triển/ điểm/ du lịch, đăng kí/ hoạt động/ kinh doanh/ lễ hành/ nội địa*, v.v...

Tất cả 55 thuật ngữ này có cấu tạo đều là ngữ cố định. Trong đó, số thuật ngữ có cấu tạo là ngữ danh từ gồm 46/55 thuật ngữ, chiếm 83,63%. Thí dụ: *cơ sở/ vật chất/ kĩ thuật/ phục vụ/ du lịch, quy trình/ làm/ thủ tục/ trả/ phòng*, v.v...

Số thuật ngữ có cấu tạo là ngữ động từ có 9/55 thuật ngữ, chiếm 16,37% thí dụ: *điều hành/ hoạt động/ kinh doanh/ lễ hành/ nội địa, quản lí/ quy hoạch/ xây dựng/ đô thị/ du lịch*, v.v...

2.6. Thuật ngữ du lịch là từ viết tắt

Kết quả khảo sát cho thấy, trong hệ thuật ngữ du lịch tiếng Việt không có thuật ngữ là từ viết tắt. Trong hệ thuật ngữ du lịch tiếng Anh, có 103

thuật ngữ là từ viết tắt, chiếm 6,87%. Thí dụ: *B&B* - bed & breakfast - "giá bao gồm tiền phòng và bữa sáng", *DND* - do not disturb - "không làm phiền", *F&B* - food and beverage - "bộ phận nhà hàng", *VC* - vacant clean - "phòng trống sạch" *OCC* - occupied - "phòng đã bán", v.v...

3. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi đã dựa trên cơ sở lí luận về thuật ngữ học của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ trên thế giới và ở Việt Nam cũng như tư liệu thu thập được để phân tích đặc điểm về từ loại và cấu tạo của hệ thuật ngữ du lịch tiếng Việt trong sự đối chiếu so sánh với các thuật ngữ tương đương của chúng trong tiếng Anh. Chúng tôi rút ra một số kết luận cụ thể sau đây:

Trước hết, xét về **phương diện từ loại**, các thuật ngữ du lịch trong tiếng Việt và tiếng Anh có tỉ lệ mỗi từ loại xấp xỉ như nhau. Hệ thuật ngữ du lịch tiếng Việt chủ yếu là danh từ hoặc danh ngữ, chiếm tỉ lệ khoảng 80%. Số thuật ngữ du lịch là động từ hoặc động ngữ chiếm tỉ lệ khoảng 15%, số thuật ngữ là tính từ hay tính ngữ ít nhất, chiếm tỉ lệ khoảng 5%.

Còn đối với thuật ngữ du lịch tiếng Anh thì cũng có thể nhận thấy tình hình tương tự như trong tiếng Việt. Đó là đa số thuật ngữ du lịch là danh từ và danh ngữ, chiếm tỉ lệ khoảng 78%. Số thuật ngữ du lịch tiếng Anh là động từ hoặc là một động ngữ chỉ chiếm tỉ lệ khoảng 14%. Số thuật ngữ còn lại là tính từ hoặc tính ngữ, chiếm tỉ lệ khoảng 8%. Có thể giải thích kết quả này như sau:

Theo Nguyễn Đức Tồn [4, 38], nội dung hay "cái được biểu hiện" của

thuật ngữ có thể là *khái niệm* hoặc *đối tượng* được sử dụng trong phạm vi một lĩnh vực khoa học hay lĩnh vực chuyên môn nhất định. Do vậy các danh từ hoặc danh ngữ biểu thị các khái niệm hoặc đối tượng trong mỗi hệ thuật ngữ đương nhiên luôn chiếm tỉ lệ cao nhất. Mặt khác, điều này cũng hoàn toàn phù hợp với tỉ lệ thực tế của các từ loại thực từ trong mỗi ngôn ngữ: danh từ luôn luôn chiếm số lượng nhiều nhất, sau đó đến động từ và ít nhất là tính từ.

Mặt khác, cũng theo Nguyễn Đức Tồn [4, 39] lĩnh vực chuyên môn của các thuật ngữ được phân biệt với lĩnh vực phi chuyên môn (chẳng hạn, lĩnh vực các nghề thủ công truyền thống của mỗi dân tộc) ở chỗ: các khái niệm được sử dụng trong lĩnh vực chuyên môn tuy hình thức thể hiện có thể khác nhau nhưng phải có tính quốc tế, nghĩa là các nhà hoạt động trong cùng lĩnh vực chuyên môn này ở các nước, các dân tộc khác nhau thì đều hiểu giống nhau. Còn ở lĩnh vực phi chuyên môn thì các khái niệm được sử dụng trong đó sẽ được hiểu khác nhau tùy theo mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Thậm chí có thể có khái niệm chỉ tồn tại ở nước này, dân tộc này mà không tồn tại ở nước khác, dân tộc khác. Chẳng hạn,

các lĩnh vực như kĩ thuật, ngoại giao, quân sự, thương mại, du lịch... là các lĩnh vực chuyên môn; còn lĩnh vực nghề thủ công như đúc đồng, đan chiếu, làm nón... thì không phải là lĩnh vực chuyên môn. Từ đó Nguyễn Đức Tồn đã chỉ ra tính chất thứ hai thuộc bản thể của thuật ngữ phải là *tính quốc tế* của nó (bên cạnh *tính khoa học*). Do lĩnh vực du lịch vốn có tính quốc tế, cho nên sự giống nhau về tỉ lệ các từ loại trong hệ thuật ngữ du lịch tiếng Việt và tiếng Anh xấp xỉ nhau là điều trở nên dễ hiểu.

Ngoài ra, còn cần phải đề cập đến một nguyên nhân rất quan trọng nữa có ảnh hưởng đến sự giống nhau này. Đó là sự sao phỏng các thuật ngữ du lịch tiếng Anh để tạo lập các thuật ngữ du lịch tiếng Việt. Trong bài [3, 66-67] chúng tôi cũng đã chỉ rõ: Do tính quốc tế của ngành du lịch (nhất là trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay), các thuật ngữ du lịch tiếng Việt chủ yếu được tạo ra bằng con đường sao phỏng các thuật ngữ du lịch Ấn - Âu (chủ yếu là tiếng Anh). Số lượng thuật ngữ vay mượn theo cách sao phỏng, theo kết quả thống kê, chiếm xấp xỉ trên dưới 80% số thuật ngữ được khảo sát. Thí dụ:

Tiếng Anh	Tiếng Việt
<i>Limited- service hotel</i>	<i>Khách sạn có dịch vụ hạn chế</i>
<i>Long-stay car park</i>	<i>Bãi đỗ xe dài ngày</i>
<i>Dining alone table</i>	<i>Bàn dành cho khách đi riêng</i>
<i>Suggested selling</i>	<i>Bán hàng gợi ý</i>
<i>Inclusive tour</i>	<i>Chương trình du lịch từng phần</i>
<i>Open tour</i>	<i>Chương trình du lịch mở</i>
<i>Active tour</i>	<i>Chương trình du lịch chủ động</i>

Xét về **phương thức cấu tạo**, các thuật ngữ du lịch trong tiếng Việt có thể là từ đơn (chiếm 39,17%) hoặc

từ ghép (chiếm 60,83%) (gồm ghép đẳng lập, ghép chính phụ), hay cụm từ cố định/ ngữ định danh. Tuy nhiên,

các thuật ngữ du lịch trong tiếng Việt chủ yếu được tạo thành bằng phương thức ghép theo quan hệ chính phụ, do vậy phần lớn chúng tồn tại dưới dạng từ ghép hoặc cụm từ chính phụ cố định hay là các ngữ định danh. Trong tiếng Việt hầu như không có thuật ngữ du lịch nào có dạng là từ viết tắt như trong tiếng Anh.

Thuật ngữ du lịch trong tiếng Anh có dạng từ đơn (chiếm 53,76%), hoặc được tạo thành bằng các phương thức phái sinh (hay phụ gia), ghép, hoặc viết tắt, do đó chúng có hình thức cấu tạo là từ phái sinh (chiếm 27,85%), từ ghép (chiếm 18,39%) và cụm từ cố định (ngữ định danh) và từ viết tắt.

Đặc điểm cấu tạo của các thuật ngữ du lịch trong tiếng Việt và tiếng Anh xét về phương thức cấu tạo vừa có điểm giống nhau, vừa có điểm khác nhau như trên là do đặc điểm loại hình ngôn ngữ quy định: tiếng Việt thuộc loại hình đơn lập, phân tích tính, còn tiếng Anh chủ yếu thuộc loại hình tổng hợp tính. Do vậy số lượng thuật tố trong thuật ngữ du lịch tiếng Việt nhiều hơn so với thuật ngữ tiếng Anh (cụ thể là thuật ngữ tiếng Việt có rất nhiều thuật ngữ 3-5 thuật tố, còn số lượng thuật ngữ du lịch tiếng Anh có 4 thuật tố rất ít, loại 5 thuật tố thì không có). Chính điều này khiến cho thuật ngữ du lịch tiếng Anh có tính chất từ hơn và do vậy chặt chẽ hơn, thuật ngữ du lịch tiếng Việt có tính cụm từ hơn nên lỏng lẻo hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Mạnh Hùng, *Ngôn ngữ học đối chiếu*, Nxb KHXH, H., 2008.
2. Hà Quang Năng, *Đặc điểm của thuật ngữ tiếng Việt*, T/c Từ điển và bách khoa thư, Số 2, 2009.
3. Lê Thanh Hà, *Những con đường hình thành thuật ngữ du lịch tiếng Việt*, T/c Ngôn ngữ, Số 7, 2013.
4. Nguyễn Đức Tồn, *Nghiên cứu, khảo sát thuật ngữ tiếng Việt phục vụ cho việc xây dựng Luật ngôn ngữ ở Việt Nam*, Công trình cấp bộ, Mã số: CT 11-13 - 02, 2012.
5. Nguyễn Thị Bích Hà, *Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ thương mại Nhật Việt*, Nxb KHXH, H., 2004.
6. Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb ĐH&THCN, Nxb GD, H., 1985.
7. Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb GD, H., 1998.
8. Teresa Cabré M., *Terminology theory, methods and applications*, John Benjamin Publishing Company, Amsterdam, Philadelphia, 1999.
9. Vương Thị Thu Minh, *Khảo sát thuật ngữ y học tiếng Anh và cách phiên chuyển sang tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ Ngữ Văn, Trường ĐHKHXH & NV, H., 2005.